

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ**

MÃ SỐ HỒ SƠ:



Đối tượng đăng kí: **Giảng viên**

Ngành: **KINH TẾ**: Chuyên ngành: **KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Nguyễn Thị Thu Hoài

2. Ngày tháng năm sinh: 12/12/1976; **Nữ** ; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng CSVN:

4. Quê quán: Xã Bình Minh, Huyện Thanh Oai – Thành phố Hà Nội

5. Nơi đăng kí hộ khẩu thường trú: SN.15, ngõ 30/18, phố Tạ Quang Bửu, Phường Bách Khoa, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: Lô A4, khu 15b, Đông Quan, Quan Hoa, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại nhà riêng: 02437917074

Điện thoại di động: **0913 534 660**

Địa chỉ E-mail: hoaint04@yahoo.co.uk hoặc hoaint04@gmail.com

7. Quá trình công tác:

- Tháng 10/1998 đến hết tháng 4/2009: Giảng viên trường Đại học Ngoại Ngữ, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Tháng 5/2009 đến hết tháng 9/2013: Giảng viên Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng Giảng viên Lý luận chính trị, Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Tháng 10/2013 đến nay: Giảng viên trường Đại học Kinh tế, ĐHQG HN.
- Chức vụ hiện nay: Giảng viên
- Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng phòng NCKH và HTPT
- Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế, ĐHQG Hà Nội.
- Địa chỉ cơ quan: P100 toà E1, số 144 Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
- Điện thoại cơ quan: 02437549190

8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm

9. Học vị: Tiến sĩ

- Được cấp bằng Đại học ngày 14 tháng 6 năm 1998;

Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Số hiệu bằng : 87450

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 14 tháng 12 năm 2004,

Ngành: Kinh tế Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Số hiệu bằng : QM 000350

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Quốc Gia Hà Nội.

- Được công nhận học vị TS số : 1228/ QĐ-ĐHQG Hà Nội ngày 14/ 4 /2014.

Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 30 tháng 12 năm 2014

Ngành: Kinh tế Chuyên ngành: Kinh tế chính trị

Số hiệu bằng : QT 000992

Nơi cấp bằng TS: Đại học Quốc Gia Hà Nội.

10. Đã được công nhận chức danh PGS ngày thángnămngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở:

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành: KINH TẾ

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Định hướng nghiên cứu chuyên sâu của tôi bao gồm :

Thứ nhất, nghiên cứu khủng hoảng tài chính và tái cấu trúc nền kinh tế sau khủng hoảng.

Thứ hai, nghiên cứu toàn cầu hoá và mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ với hội nhập quốc tế.

Thứ ba, nghiên cứu trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.

Những vấn đề được tập trung nghiên cứu trong các công trình, bài viết của tôi đều dựa trên nền tảng kinh tế học thể chế, lý luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách pháp luật của nhà nước.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học

14.1 Kết quả đào tạo

- Đã hướng dẫn **9 Học viên cao học** bảo vệ thành công luận văn Thạc sĩ và đã nhận bằng Ths chuyên ngành: Kinh tế chính trị; Ths. Quản lý kinh tế.

- Thành viên nhóm nghiên cứu mạnh về Kinh tế chính trị hiện đại và nhóm nghiên cứu về Quản lý kinh tế của trường Đại học Kinh tế- ĐHQG Hà Nội. Đã hoàn thành và nghiệm thu **10 đề tài NCKH** các cấp. Cụ thể:

+ Tham gia đề tài NCKH trọng điểm cấp Nhà nước mã số KX.04-20/11-15, chủ trì 02 chuyên đề số 32 và số 38 (nghiệm thu năm 2015 đạt loại xuất sắc).

+ Thành viên đề tài NCKH trọng điểm cấp Nhà nước mã số KX.05/16-20, (nghiệm thu tháng 6 năm 2019 đạt loại xuất sắc).

+ Chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ (cấp ĐHQG Hà Nội, nghiệm thu năm 2009 và năm 2015 đạt loại Tốt).

+ Thành viên 1 đề tài cấp Bộ (cấp ĐHQG Hà Nội, nghiệm thu năm 2008 đạt loại Tốt).

+ Đồng chủ trì 1 đề tài cấp Bộ (thuộc Gói thầu tư vấn số 71- Đề án phát triển giáo viên, Bộ Giáo dục- Đào tạo, nghiệm thu năm 2009 đạt loại Tốt).

+ Chủ nhiệm 6 đề tài khoa học cấp cơ sở và thành viên 1 đề tài cấp cơ sở (nghiệm thu các năm 2002, 2003, 2004, 2006, 2008, 2014, 2015 đạt loại Tốt).

- Đã công bố **31 bài báo** khoa học trong đó có **24** bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước (có chỉ số ISSN) và **07** bài báo quốc tế (trong đó có **05** bài thuộc tạp chí Scopus là tác giả chính, **02** bài thuộc tạp chí quốc tế khác trong đó có 1 bài là tác giả chính).

- Đã xuất bản **01** giáo trình và tham gia biên soạn **05 cuốn sách** chuyên khảo dành cho đào tạo Đại học và Sau đại học. Trong đó: **Chủ biên 01 cuốn** sách chuyên khảo; tác giả **01 giáo trình** dành cho Đào tạo Đại học và Sau đại học chuyên ngành Kinh tế chính trị và Quản lý kinh tế; đồng tác giả **03** cuốn sách chuyên khảo (tiếng Việt), **01** cuốn sách chuyên khảo (tiếng Anh). Tất cả giáo trình và sách chuyên khảo đều được xuất bản tại các NXB uy tín.

14.2 Năm công trình khoa học tiêu biểu:

TT	Tên bài báo/ Sách/ Đề tài	Số tác giả	Tên tạp chí công bố hoặc nơi công bố	Năm công bố
1	Giáo trình dành cho Đại học và Sau đại học: Phân tích chính sách kinh tế	3	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội ISBN: 978-604-939-682-3	2018
2	Sách chuyên khảo: Khủng hoảng tài chính toàn cầu: Ứng phó của thế giới và của Việt Nam.	1	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội ISBN: 978-604-939-682-3	2014
3	Bài báo đăng trên tạp chí quốc tế: The impact of management profile on CSR practices, mediate and moderate model: The case of Textile and Garment in Nam Dinh, Viet Nam.	3	Management Science Letters, Vol.9, No.11, 1813-1822 Scopus IF 0.76 Prin ISN: 19239335 E-ISN: 19239343	2019

4	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước: Hiệp định xuyên Thái Bình Dương - Cơ hội và thách thức đối với thị trường lao động Việt Nam	1	Tạp chí Khoa học Kinh tế và Kinh doanh số 4 ISSN 2354-0761 tr. 21-27	2014
5	Bài báo đăng trên tạp chí trong nước: 6 biểu hiện mới của các công ty xuyên quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá	1	Tạp chí Kinh tế và Dự báo Số 23 ISSN 0866-7120 Tr. 24-27	2017

15. Khen thưởng:

- Liên tục trong 21 năm (từ năm 1998 đến năm 2019) đạt danh hiệu Lao động tiên tiến và Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở (năm 2011-2012); danh hiệu giảng viên xuất sắc năm học 2018-2019.

- **Bằng khen** của Chủ tịch Công đoàn giáo dục Việt Nam, QĐ số 182/CĐN ngày 16/07/1999.

- **Giấy khen** của Giám đốc ĐHQG Hà Nội: Gương mặt trẻ tiêu biểu cấp Đại học Quốc gia Hà Nội, QĐ số 4171/QĐ-CTHSSV ngày 26/12/2012.

- **Bằng khen** của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo cho thành tích xuất sắc trong việc xây dựng và phát triển Chương trình Giáo dục Quốc gia, QĐ số 854 QĐ- BGDĐT ngày 5/4/2019.

- **Bằng khen** của BCH Công đoàn ĐHQG Hà nội, QĐ số 250/QĐ-KT-CĐ ngày 05/09/2011.

- **Giấy khen** của Hiệu trưởng trường Đại học Kinh tế- ĐHQG Hà Nội cho danh hiệu Giảng viên xuất sắc, QĐ số 2190/QĐ-ĐHKT ngày 5/8/2019.

16. Kỷ luật: KHÔNG

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo

**** Về phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp***

Tôi luôn có lập trường tư tưởng vững vàng, có phẩm chất đạo đức tốt, đã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ, có sức khỏe tốt, không ngừng học tập, rèn luyện, nâng cao trình độ lý luận chính trị để vận dụng vào hoạt động giảng dạy, giáo dục đáp ứng yêu cầu được giao.

Là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam từ khi còn là sinh viên, Tôi luôn tự ý thức và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ công dân, nghĩa vụ của nhà giáo, chấp hành tốt mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, quy định của pháp luật, chấp hành nghiêm túc các quy định của nhà trường.

**** Về công tác giảng dạy***

Tôi luôn thực hiện tốt các nhiệm vụ của nhà giáo theo quy định tại Luật Giáo dục và Luật Giáo dục Đại học. Tâm huyết với nghề, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo, có tinh thần đoàn kết, thương yêu, hợp tác, giúp đỡ và học hỏi đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác. Tôn trọng người học, đối xử công bằng với người học, bảo vệ các quyền và lợi ích chính đáng của người học, luôn nêu gương tốt cho các thế hệ sinh viên, được nhiều khoá sinh viên kính trọng, yêu mến. Đồng thời, tôi luôn có ý thức tự học, tự nghiên cứu, rèn luyện để nâng cao phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn nghiệp vụ, ngoại ngữ và các năng lực cần thiết cho hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học, tích cực đổi mới phương pháp giảng dạy và đánh giá đúng thực chất năng lực của người học.

Là giảng viên Đại học, trong quá trình công tác liên tục (21 năm kể từ năm 1998), tôi luôn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ giảng dạy theo các tiêu chuẩn của chức danh giảng viên. Trong giảng dạy, tôi luôn chủ động nghiên cứu, đổi mới và áp dụng các phương pháp sư phạm hiện đại vào bài giảng, do đó kết quả giảng dạy đã được đồng nghiệp và sinh viên các hệ đào tạo đánh

giá cao, có tính lan tỏa rộng trong đồng nghiệp và sinh viên. Ngoài nhiệm vụ giảng dạy, các kết quả nghiên cứu khoa học của tôi trong lĩnh vực phát triển chương trình đào tạo và đổi mới phương pháp, cách thức đánh giá theo năng lực người học đã được ghi nhận và vận dụng vào thực tiễn trong việc đổi mới, phát triển toàn diện chương trình giáo dục đào tạo của nước nhà.

Tôi luôn hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu của một cán bộ giảng dạy; đảm bảo giảng dạy bám sát mục tiêu chương trình, thực hiện đúng nguyên lý giáo dục, đào tạo, tích cực bồi dưỡng, đào tạo giảng viên trẻ, xây dựng đơn vị vững mạnh, liên tục trong 21 năm tôi đều đạt danh hiệu lao động tiên tiến và chiến sỹ thi đua cấp cơ sở và danh hiệu giảng viên xuất sắc.

**** Về công tác nghiên cứu khoa học***

Tôi luôn ý thức cùng với hoạt động giảng dạy, NCKH là một nhiệm vụ song hành thường xuyên của giảng viên, vì vậy, tôi đã tham gia các nhóm nghiên cứu mạnh của nhà trường nghiên cứu về Kinh tế chính trị hiện đại và nhóm nghiên cứu về Quản lý kinh tế. Tôi luôn hoàn thành tốt và vượt mức nhiệm vụ nghiên cứu khoa học theo quy định của chức danh giảng viên. Hằng năm, đều có những bài báo được đăng tải trên các tạp chí chuyên ngành trong nước, tham gia nhiều hội thảo khoa học và hoàn thành các đề tài khoa học trọng điểm cấp Nhà nước, đề tài khoa học cấp Bộ và nhiều đề tài cấp cơ sở.

Đặc biệt, sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, tôi đã tham gia các cuộc hội thảo khoa học, công bố các kết quả NCKH của mình trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế, tham gia viết và biên soạn giáo trình Đại học, Sau đại học, viết sách chuyên khảo góp phần phục vụ cho việc học tập, tìm hiểu, nghiên cứu của sinh viên các hệ đào tạo và đồng nghiệp.

Tôi luôn xác định rõ mục tiêu và trách nhiệm của mình là một giảng viên đại học cần tham gia tích cực vào quá trình đào tạo, đồng thời thực hiện có chất lượng, có chiều sâu công tác nghiên cứu khoa học, hình thành một số hướng nghiên cứu chuyên sâu phục vụ công tác giảng dạy và đồng thời góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn đang đặt ra.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Tổng số **21 năm thâm niên** đào tạo.

Khai cụ thể ít nhất 6 thâm niên, trong đó có 3 thâm niên cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn (giờ)	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD (giờ)	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2014 – 2015				25	90	119	209/306/278
2	2015 – 2016			27	10	135	135	270/410/236
3	2016 – 2017			24		135	119	254/372/81
3 năm học cuối								
4	2017 - 2018			42		45	135	180/314/155
5	2018 – 2019			18		180	135	315/491/230
6	2019 – 2020			100		165	225	390/842/230

Ghi chú:

(i) **Năm học 2017-2018, 2018-2019** áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2015 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 929/QĐ-ĐHKT ngày 25/03/2015 của Hiệu trưởng Trường ĐHKT - ĐHQGHN.

(ii) **Năm học 2019-2020** áp dụng Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019 của Trường Đại học Kinh tế ban hành kèm theo Quyết định số 1729/QĐ-ĐHKT ngày 14/06/2019 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế - ĐHQGHN.

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số [64/2008/QĐ-BGDĐT](#) ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông

tư số [36/2010/TT-BGDĐT](#) ngày 15/12/2010 và Thông tư số [18/2012/TT-BGDĐT](#) ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

3. Ngoại ngữ

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn:

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS hoặc TSKH ; Tại nước:

- Thực tập dài hạn (> 2 năm) ; Tại nước :

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp chứng chỉ: **Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQGHN.**

- Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài :

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

c) Đối tượng khác: ; Diễn giải:

Được Bộ GD & ĐT cử đi học tập, đào tạo và bồi dưỡng ngắn hạn và nhận chứng chỉ tại Đại học Queensland- Australia (2013) và Đại học Postdam – CHLB Đức (2016).

3.2. Tiếng Anh giao tiếp (văn bằng, chứng chỉ):

1. Chứng chỉ B2

Nơi cấp: Trường Đại học Ngoại ngữ- Đại học Quốc Gia Hà Nội

Số hiệu bằng : 169616. **Năm cấp:** 2013

4. Hướng dẫn NCS làm luận án TS và học viên làm luận văn ThS

TT	Họ tên NCS hoặc HV	Đối tượng		Trách nhiệm HD		Thời gian hướng dẫn từđến..	Cơ sở đào tạo	Năm được cấp bằng
		NCS	HV	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Xuân Hoan		X	X		2014-2016	Trường ĐHKT- ĐHQG Hà Nội	2016
2	Nguyễn Thị Hằng		X	X		2014-2016	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2016
3	Hoàng Thị Xuân		X	X		2014-2016	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2016
4	Phạm Kim Anh		X	X		2015-2017	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2017
5	Chu Minh Tuấn		X	X		2015-2017	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2017
6	Trần Tuyết Mai		X	X		2015-2017	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2017
7	Trần Thị Lệ Hồng		X	X		2016-2018	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2018
8	Phan Thị Bích Ngọc		X	X		2016-2018	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2018
9	Nguyễn Lương Đức		X	X		2015-2018	Trường ĐHKT - ĐHQG Hà Nội	2018

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo đại học và sau đại học

5.1. Trước khi bảo vệ luận án:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang...đến trang	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản)
1	Những vấn đề Kinh tế xã hội ở nông thôn trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá	CK	NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010 ISBN: 978-604-62-0412-1	49		từ trang 217-225	Trường ĐHKT-ĐHQGHN ngày 10/6/2019

5.2. Sau khi bảo vệ luận án:

TT	Tên sách	Loại sách	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang...đến trang	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản)
2	Khủng hoảng tài chính toàn cầu: Ứng phó của thế giới và của Việt Nam	CK	NXB ĐHQG Hà Nội- 2014 ISBN: 978-604-939-682-3	01	Chủ biên	Viết một mình	Trường ĐHKT-ĐHQGHN ngày 6/6/2019
3	Phân tích chính sách kinh tế	GT	NXB ĐHQG Hà Nội- 2018 ISBN: 978-604-961-422-4	3		từ trang 79-117	Trường ĐHKT-ĐHQGHN ngày 6/6/2019
4	Tác động của công tác quản trị quan hệ khách hàng đến doanh nghiệp kinh doanh du lịch Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế	CK	NXB ĐHQG Hà Nội- 2017 ISBN: 978-604-62-9736-9	2		từ trang 27 –60	Trường ĐHKT-ĐHQGHN ngày 20/6/2019

5	The relationship between Government budget deficit and economic growth in the shouteast asian region	CK	NXB ĐHQG Hà Nội- 2018 ISBN 978-604-961-973-1	3		từ trang 15-43	Trường ĐH KT-ĐHQGHN ngày 6/6/2019
6	Giữ vững độc lập tự chủ trong hội nhập quốc tế	CK	NXB Chính trị Quốc gia Sự thật Hà Nội, 2017 ISBN: 978-604-57-3453-7	31		từ trang 241- 257	Hội đồng LLTW và Trường ĐHKT-ĐHQGHN ngày 21/6/2019

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

6.1. Trước khi bảo vệ luận án:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Chương trình, đề tài)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Cơ hội và thách thức của sinh viên ĐHQG Hà Nội khi Việt Nam hội nhập WTO	Chủ nhiệm	N.09-19 Cấp Bộ (ĐHQGHN)	2009 - 2011	2011	Tốt
2	Khủng hoảng tài chính toàn cầu 2007-2009: Các giải pháp ứng phó của Việt Nam và tác động của chúng trong giai đoạn hậu khủng hoảng	Chủ nhiệm	TTCT.08.11 Cấp Bộ (ĐHQGHN)	T2/2011 - T12/2013	2013	Tốt
3	Giảng dạy KTCT trên phần mềm Powerpoint nhằm phát huy tính tích cực, chủ động học tập của sinh viên	Chủ nhiệm	N.03.31 Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội	T10/2002 - T10/2004	2004	Khá

4	Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc nâng cao khả năng thích ứng của sinh viên trường Đại học Ngoại ngữ- ĐHQG Hà Nội khi Việt Nam hội nhập WTO	Chủ nhiệm	N.03.31 Trường Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội	2007-2008	2008	Khá
5	Vận dụng lý luận hàng hoá sức lao động của Mác vào thực tiễn Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam	Thành viên	N.06-21 Cấp Bộ (ĐHQGHN)	2007-2009	2009	Tốt
6	Xây dựng chuyên đề bồi dưỡng Giáo viên THPT	Đồng chủ trì	Gói thầu tư vấn số 71 Bộ GD-ĐT	2007-2009	2009	Tốt

6.2. Sau khi bảo vệ luận án:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (Chương trình, đề tài)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Ngày nghiệm thu	Kết quả
1	Bối cảnh thế giới hiện nay và những vấn đề đặt ra với Việt Nam	Thành viên	KX.04-20/11-15 Nhà nước	T1/2011 - T12/2015	2015	Xuất sắc
3	Xử lý mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế	Thành viên	KX.05/16-20 Trọng điểm Nhà nước	T1/2016 - T1/2020	2019	Xuất sắc
4	Kinh tế thế giới hậu khủng hoảng và những vấn đề đặt ra với Việt Nam	Chủ nhiệm	KT.14.03 Cấp cơ sở Trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN	T10/2013 - T10/2014	2014	Tốt
5	Tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước ở một số nước Đông Âu và hàm ý chính sách cho Việt Nam	Chủ nhiệm	KT.15.14 Cấp cơ sở Trường Đại học Kinh tế-ĐHQGHN	T5/2015– T5/2016	2015	Tốt

7. Kết quả NCKH và công nghệ đã công bố

7.1 Bài báo khoa học công bố trước khi bảo vệ luận án

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tạp chí quốc tế uy tín (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, Số, Trang	Năm công bố
1	Một số thách thức đối với hệ thống Ngân hàng Công thương Việt Nam trong điều kiện Hội nhập kinh tế quốc tế	1	Tài chính tiền tệ ISSN 1809-2805			Số 8 tr. 23-25	2005
2	Giải pháp xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở nước ta trong giai đoạn “hậu khủng hoảng	1	Quản lí nhà nước ISSN 0868-2828			Số 189 tr. 32-35	2011
3	Từ khủng hoảng nợ công trên thế giới bàn về vấn đề nợ công của Việt Nam	1	Quản lí nhà nước ISSN 0868-2828			Số 193 tr.18-21	2012
4	Biện pháp ứng phó KHKT tài chính toàn cầu của các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương	1	Quản lí nhà nước ISSN 0868-2828			Số 199 tr. 71-74	2012
5	Đánh giá chung các giải pháp ứng phó KHTC toàn cầu 2008 của các nước và bài học kinh nghiệm.	1	Quản lí nhà nước ISSN 0868-2828			Số 214 tr.46-51	2013

7.2. Giai đoạn sau khi bảo vệ luận án tiến sĩ

* Bài báo đăng trên tạp chí chuyên ngành trong nước

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu	Tạp chí quốc tế uy tín (IF,Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, Số, Trang	Năm công bố
6	Chính sách kích cầu đầu tư và tiêu dùng nội địa: hiệu quả và những vấn đề đặt ra với Việt Nam	1	Kinh tế Châu Á- TBD ISSN 0868-3808			Số 424 tr.22-26	2014
7	Những trở ngại mới đặt ra cho Việt Nam sau khủng hoảng tài chính toàn cầu	1	Kinh tế Châu Á- TBD ISSN 0868-3808			Số 422 tr.35-37	2014
8	Tái cấu trúc nền kinh tế sau KHTC toàn cầu 2008	1	Quản lí nhà nước ISSN 0868-2828			Số 220 tr.78-81	2014
9	Quá trình toàn cầu hóa kinh tế và những tác động đến cộng đồng kinh tế ASEAN	1	Quản lí nhà nước ISSN 0868-2828			Số 225 tr.62-67	2014
10	Hiệp định xuyên Thái Bình Dương - Cơ hội và thách thức của thị trường lao động Việt Nam.	1	Kinh tế và Kinh doanh ISSN 2354-0761			Số 4 tr.21-28	2014

11	Chống chuyển giá tại các nước ASEAN và bài học cho Việt Nam	2	Tài chính ISSN 2615-8973 <i>(Tác giả chính)</i>			Số 619 tr.44-46	2015
12	Chuyển giá trong các doanh nghiệp FDI: Thực trạng và giải pháp khắc phục	2	Tài chính ISSN 2615-8973 <i>(Tác giả chính)</i>			Số 623 tr.17-20	2015
13	Kinh nghiệm tái cấu trúc công ty tại các nước Châu Âu	1	Tài chính ISSN 2615-8973			Số 615 tr.37-40	2015
14	Tương quan lực lượng giữa các nước lớn- những thách thức đối với Việt Nam	1	Kinh tế Châu Á- TBD ISSN 0868-3808			Số 467 tr.22-27	2016
15	Để phát huy vai trò, hiệu quả nguồn lực tài chính vi mô trong đời sống kinh tế- xã hội	1	Tài chính ISSN 2615-8973			Số 629 tr.12-14	2016
16	6 biểu hiện mới của các công ty xuyên quốc gia trong bối cảnh toàn cầu hoá	1	Kinh tế và Dự báo ISSN 0866-7120			Số 23 tr.24-28	2017

17	Xử lí mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế trên lĩnh vực kinh tế qua 30 năm đổi mới	1	Kinh tế Châu Á- TBD ISSN 0868-3808			Số 495 tr.32-34	2017
18	Những bất cập trong chống chuyển giá của các doanh nghiệp	1	Công thương ISSN 0866-7756			Số 1 tr.29-33	2017
19	Toàn cầu hoá với việc xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ	01	Công thương ISSN 0866-7756			Số 9 tr. 106- 109	2019
20	Xu hướng phát triển kinh tế xanh ở Việt Nam	01	Tài chính ISSN 2615-8973			Số 713 tr.5-7	2019
21	Chính sách Bảo hiểm thất nghiệp tại một số quốc gia phát triển và gợi ý cho Việt Nam	01	Công thương ISSN 0866-7756			Số 19 tr.268- 273	2019
22	Phát triển kinh tế hợp tác xã Việt Nam trong bối cảnh mới	01	Tài chính ISSN 2615-8973			Số 716 tr.64-68	2019
23	Các tác động của đại dịch COVID-19 đến kinh tế Việt Nam	01	Tài chính ISSN 2615-8973			Số 726 tr.41-44	2020
24	Phát triển tài chính toàn diện và giải pháp cho Việt Nam trong bối cảnh mới	1	Tài chính ISSN 2615-8973			Số 728 tr.54-57	2020

*** Bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế thuộc danh mục Scopus**

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỷ yếu	Loại tạp chí quốc tế uy tín (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, Số, Trang	Năm công bố
1	The impact of Government support on firm performance in Vietnam: New Evidence from a Dynamic Approach	3	Asian Academy of Management Journal <i>Tác giả chính</i>	Scopus IF 0.54 Prin ISN: 13942603 E-ISN: 21804184	1.30	Vol 23 Issue.2 Page 101-123	2018
2	The impact of management profile on CSR practices, mediate and moderate model: The case of Textile and Garment in Nam Dinh, Viet Nam	3	Management Science Letters <i>Tác giả chính</i>	Scopus IF 0.76 Prin ISN: 19239335 E-ISN: 19239343	2.6	Vol 9 Issue.11 Page 1813-1822	2019
3	The role of corporate social responsibilities in tourism and hospitality: The case of Vietnam	5	Management Science Letters <i>Tác giả chính</i>	Scopus IF 0.76 Prin ISN: 19239335 E-ISN: 19239343	2.6	Vol 10 Issue.9 Page 2089-2098	2019
4	Impact of Green Supply Chain Practices on financial and non-financial performance of Vietnam's tourism enterprises	5	Uncertain Supply chain Management <i>Tác giả chính</i>	Scopus IF 1.05 Prin ISN: 22916822 E-ISN: 22916830	5.8	Vol 8 Issue.3 Page 481-494	2020

5	Impact of corporate social responsibility on organizational commitment through organizational trust and organizational identification	5	Management Science Letters <i>Tác giả chính</i>	Scopus IF 0.76 Prin ISN: 19239335 E-ISBN: 19239343	2.6	Vol 10 Issue 14 Page 3453-4362	2020
---	---	---	--	---	-----	---	------

*** Bài báo đăng trên tạp chí Quốc tế khác.**

TT	Tên bài báo	Số tác giả	Tên tạp chí, kỹ yếu	Loại tạp chí quốc tế uy tín (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, Số, Trang	Năm công bố
6	The impact of CEOS to CRS Practices. The case of Textile and Garment in Nam Dinh, Viet Nam	3	International of Journal Case Studies	E.ISSN 2305-509X IF. 4.428		Vol 8 Issue.5 Page 1-12	2019
7	The impact of COVID - 19 pandemic in countries and some policy recommendations for Vietnam	2	International Journal of Business and Applied Social <i>Tác giả chính</i>	E.ISSN 2469-6501 IF. 1.562		Vol 6 Issue.4 Page 45-48	2020

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Tên chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học (bao gồm xây dựng, thiết kế chương trình mới và sửa đổi, bổ sung)	Trách nhiệm (chủ trì, tham gia)	Văn bản thẩm định để đưa vào sử dụng (văn bản, số, ngày, tháng)
1	Chương trình đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Kinh tế chính trị	Ủy viên Thư ký	QĐ số 596/QĐ- ĐHKT ngày 19/3/2018
2	Chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành Quản lí kinh tế (Học phần Phụ nữ trong lãnh đạo tổ chức công)	Chủ trì	QĐ số 1872/QĐ- ĐHKT ngày 30/6/2016

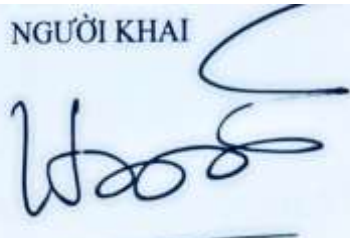
9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*: KHÔNG

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH

Tôi cam đoan những lời khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2020

NGƯỜI KHAI



Nguyễn Thị Thu Hoài